

Số: **170** /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày **20** tháng 10 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết “Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 217/HĐND-KTNS ngày 31/8/2022 và xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3654/TTr-SNNPTNT ngày 18/10/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thống nhất xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành “Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, tại Điều d Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định như sau:

*“Điều 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*

*1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:*

*d) Nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định này”.*

Nhằm triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết “Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương

trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh) là cần thiết và đúng thẩm quyền.

## **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích:**

Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết “Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, giao nhiệm vụ, đặt hàng trong việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”.

Làm cơ sở để các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức, quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia áp dụng một cách đồng bộ, thống nhất; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của cơ quan chủ quản thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

### **2. Yêu cầu:**

Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia là việc sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn cho các đối tượng của Chương trình mục tiêu quốc gia và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo, tạo thu nhập ổn định và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc đối tượng của Chương trình mục tiêu quốc gia. Vì vậy, Nghị quyết của HĐND phải thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định tại các Điều 21, 22, 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của các cơ quan chủ quản Chương trình mục tiêu quốc gia đã ban hành. Nội dung gồm: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

### **3. Quan điểm xây dựng Nghị quyết:**

- Việc ban hành nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi phải đảm bảo khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế tại tỉnh Quảng Ngãi.

- Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiếp cận được nguồn kinh phí hỗ trợ thuận lợi nhất; rút ngắn thời gian và quy trình thực hiện để tiếp cận nguồn kinh phí hỗ trợ.

## **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

### 1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

### 2. Đối tượng áp dụng:

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

## IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT

### 1. Mục tiêu:

Ban hành Nghị quyết nhằm đảm bảo cho việc triển khai các quy định về cơ chế quản lý, thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ. Tạo cơ sở pháp lý để tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất gồm: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

### 2. Nội dung của Nghị quyết gồm 03 điều, cụ thể:

**Điều 1:** Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

#### a) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

##### a1) Nội dung hỗ trợ:

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

Thực hiện theo Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

Thực hiện theo các khoản 1,2,3,4,5 và 9 Điều 5 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Thực hiện theo khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Mục 1, Chương IV, Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

a2) Mẫu hồ sơ xây dựng dự án, kế hoạch sản xuất liên kết:

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Thực hiện theo mẫu số 01,02,03,04,05 (ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ).

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo mẫu số 01 (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo mẫu số 01 (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

a3) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch sản xuất liên kết:

- Bước 1: Xây dựng dự án, kế hoạch sản xuất liên kết.
- Bước 2: Thẩm định dự án, kế hoạch sản xuất liên kết.
- Bước 3: Phê duyệt dự án, kế hoạch sản xuất liên kết.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:

b1) Nội dung hỗ trợ:

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 22, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Khoản 2, điểm a,b Khoản 4, Khoản 7, Điều 13, Chương II, Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính.

b2) Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất:

Thực hiện theo mẫu số 01,02 (ban hành kèm theo dự thảo Tờ trình này), thống nhất áp dụng chung đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b3) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất của cộng đồng:

Áp dụng chung đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bước 1. Xây dựng dự án, phương án sản xuất.
- Bước 2. Thẩm định dự án, phương án sản xuất.
- Bước 3. Phê duyệt dự án, phương án sản xuất.

c) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ:

c1) Nội dung hỗ trợ:

- Đối với Chương trình giảm nghèo bền vững: thực hiện theo Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo Điều 22 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

c2) Mẫu hồ sơ xây dựng dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Thực hiện theo mẫu số 03 (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), thống nhất áp dụng chung đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c3) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, lựa chọn đơn vị đặt hàng:

Áp dụng chung đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bước 1: Xây dựng, phê duyệt dự án.
- Bước 2: Lựa chọn đơn vị đặt hàng.
- Quy trình, thủ tục về ký hợp đồng, giao nhiệm vụ và nghiệm thu,

thanh toán thực hiện theo Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

**Điều 2: Tổ chức thực hiện.**

**Điều 3: Hiệu lực thi hành.**

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

**1. Dự kiến nguồn lực:**

- Nguồn lực thực hiện là nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và các nguồn vốn huy động khác.

- Nhân lực đảm bảo thi hành: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã có liên quan.

**2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết:**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT**

Dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 thông qua tại kỳ họp tháng 11 năm 2022 (kỳ họp chuyên đề).

Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh Quảng Ngãi xem xét, sớm có ý kiến để triển khai thực hiện./.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày 14/9/2022)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Các Sở: Lao động-Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, KTN, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX<sub>VHTin520</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Hoàng Tuấn**

Mẫu số 01

(kèm theo Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh)

UBND XÃ....  
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

**BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

Hôm nay, ngày tháng năm 20...., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) ..... đã tổ chức họp cộng đồng dân cư ..... để:..... (nêu mục đích cuộc họp).

**1. Chủ trì cuộc họp:** (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì); Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh); Thành phần tham gia (Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể; Đại diện cộng đồng dân cư (ghi rõ họ tên, địa chỉ); Số lượng hộ gia đình tham gia cuộc họp).

**2. Nội dung cuộc họp**

- Phổ biến dự án: Tên dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia; định mức kinh tế kỹ thuật, mức chi hỗ trợ dự án...;

- Thông báo phương án thực hiện dự án; hỗ trợ của nhà nước; thống nhất về đóng góp của người dân và các tổ chức có liên quan; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng (nếu có) đối với hoạt động chính sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ của nhà nước; trách nhiệm giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển.

- Bình xét hộ đủ điều kiện tham gia dự án.

**3. Lập danh sách các đối tượng tham gia dự án như sau:**

TT	Họ tên người đại diện hộ gia đình tham gia dự án	Địa chỉ	Hộ gia đình thuộc diện (theo khoản 5, Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP)	Nội dung đăng ký hỗ trợ	Kinh phí đề nghị hỗ trợ (triệu đồng)	Đối ứng của hộ (Ghi rõ đối ứng bằng tiền hoặc hiện vật)	Đăng ký vay vốn từ Ngân hàng CSXH (triệu đồng)	Ký xác nhận hoặc dấu tay điểm chỉ

Cuộc họp kết thúc vào... giờ... cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

**Thư ký cuộc họp**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện  
cộng đồng dân cư**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện UBND xã**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Chủ trì cuộc họp**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Mẫu số 02:**

**Đề cương xây dựng dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng..... năm .....

**TÊN DỰ ÁN .....**

**I. Đặt vấn đề:**

1. Sự cần thiết phải xây dựng dự án:
2. Cơ sở pháp lý để xây dựng dự án:

**II. Mục tiêu dự án:**

1. Mục tiêu chung; dự kiến số hộ thoát nghèo sau khi tham gia dự án)
2. Mục tiêu cụ thể

**III. Địa điểm, thời gian triển khai:** (xã, thôn/bản); Thời gian bắt đầu....., thời gian kết thúc...;

**IV. Đơn vị quản lý, thực hiện dự án:**

1. Đơn vị quản lý (Chủ đầu tư):.....
2. Đơn vị thực hiện:.....

**V. Các hoạt động của dự án:**

1. Công tác chuẩn bị xây dựng dự án: Đất đai, lao động, công cụ sản xuất, đối tượng tham gia,....
2. Lập danh sách đối tượng tham gia dự án theo mẫu sau:

TT	Họ tên người đại diện hộ gia đình tham gia dự án	Địa chỉ	Hộ gia đình thuộc diện (theo khoản 5, Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP)

3. Các nội dung triển khai dự án:

3.1. Quy mô:

3.2. Phương thức hỗ trợ: (trực tiếp hay gián tiếp)

- 3.3. Về tiêu chuẩn vật tư, nguyên liệu, công cụ hỗ trợ
- 3.4. Thuê Cán bộ kỹ thuật trực tiếp hướng dẫn tại dự án
- 3.5. Tập huấn, chuyên giao khoa học kỹ thuật thực hiện dự án
- 3.6. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm
- 3.7. Kế hoạch quảng bá, xúc tiến thương mại
- 3.8. Học tập các dự án có hiệu quả
- 3.9. Hội nghị tổng kết dự án
- 3.10. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng vốn trong cộng đồng (nếu có):
- Tỷ lệ hoặc mức quay vòng vốn: .....
  - Thời hạn thực hiện thu hồi kinh phí để sử dụng quay vòng vốn: .....
  - Hình thức, trình tự luân chuyển: .....
  - Cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển: .....

**VI. Kinh phí thực hiện dự án:**

1. Dự toán kinh phí thực hiện dự án (Triệu đồng)

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Tổng dự toán			Chia ra các nguồn				
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Đóng góp của người dân	Vay từ Ngân hàng	Nguồn khác
1	Hỗ trợ chi tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu									
2	Hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, công cụ,...									
3	Hỗ trợ chi phí quảng bá, xúc, tiến thương mại sản phẩm...									
4	Hỗ trợ chi phí xây dựng và quản lý dự án									
5	Chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật									

	trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ								
6	Hỗ trợ cán bộ kỹ thuật								
7	Hỗ trợ đi thực tế học hỏi kinh nghiệm các dự án đã có hiệu quả								

2. Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có) .....

**VI. Dự kiến hiệu quả kinh tế, kết quả đầu ra và tác động của dự án:**

1. Hiệu quả của dự án (kinh tế, môi trường, xã hội): .....
2. Dự kiến kết quả đầu ra của sản phẩm trong dự án (liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp, hợp tác xã, ...)
3. Tác động của dự án (các rủi ro về thị trường, thiên tai, môi trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục): .....

**VII. Xử lý vi phạm trong dự án:**

Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp chủ đầu tư, cộng đồng dân cư và các đối tượng khác tham gia dự án vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

**VIII. Tổ chức thực hiện dự án:**

1. Nêu rõ phương thức tổ chức thực hiện dự án, kiểm tra, giám sát dự án.
2. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia dự án:

a) Đối với UBND cấp xã:

- Quyền hạn:

(trong đó nêu cụ thể về quyền hạn theo dõi, giám sát về quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển, cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng)

- Trách nhiệm:

(trong đó nêu cụ thể trách nhiệm giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ đầu tư dự án đối với quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển)

b) Đối với cộng đồng dân cư tham gia dự án

- Quyền hạn:

(nhu cầu tập huấn về kỹ thuật, tham quan các dự án có hiệu quả, đào tạo nguồn nhân lực cho lao động, ...)

- Trách nhiệm:

*(trong đó nêu cụ thể trách nhiệm tổ chức thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng, thực hiện đúng các quy định về vốn đối ứng và các quy định khác trong dự án, )*

Ngày tháng năm 20...  
**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên)